

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 32/2020/HC-ST
Ngày 01/10/2020
V/v khởi kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hanh và ông Nguyễn Hữu On.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 62/2018/TLST-HC ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 44/2020/QĐXXST-HC ngày 24/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HC ngày 16/9/2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Tô M – sinh năm 1937. Địa chỉ: Số 44 đường P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô M: Ông Trần Duy T – sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 2, khu vực 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người bị kiện: 1/ Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S: Ông Phạm Văn C – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S. Có mặt.

3/ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S, tỉnh Phú Yên; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Ông Tô D – sinh năm 1963, bà Lê Thị Th – sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu

phố L, phường X, thị xã S; Ông D có mặt, bà Th vắng mặt.

3/ Ông Tô H – sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 145/3 đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Vắng mặt.

4/ Bà Tô Thị Hồng H – sinh năm 1965; Vắng mặt.

5/ Ông Tô Th – sinh năm 1971; Vắng mặt.

6/ Bà Tô Thị Thu H1 – sinh năm 1973; Vắng mặt.

7/ Ông Tô Văn Đ – sinh năm 1980; Vắng mặt.

8/ Bà Tô Thị H2 – sinh năm 1982; Vắng mặt.

9/ Bà Tô Thị Thu H3 – sinh năm 1969; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà H, ông Th, bà H1, ông Đ, bà H2:
Ông Tô D.

10/ Bà Tô Thị Thu H4 – sinh năm 1976; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

11/ Bà Tô Thị Thu M – sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H4, bà M: Ông Trần Duy T. Có mặt.

12/ Ông Tô Văn Ch (chết năm 2011), người kế thừa quyền, nghĩa vụ:

12.1/ Hà Thị Thu H5 – sinh năm 1963; Vắng mặt.

12.2/ Tô Như Ng – sinh năm 1989; Vắng mặt.

12.3/ Tô Anh Th – sinh năm 1992; Vắng mặt.

12.3/ Tô Ngân Th1 – sinh năm 1998; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Số 125/5 đường C, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1974 ông Tô M có nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích 3.589m², tọa lạc tại khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Trong năm 1974, ông xây dựng một nhà cấp 4 diện tích 40m² để ở, phần đất còn lại trồng dừa, đến năm 1992 ông sửa chữa lại nhà cấp 4 diện tích 150m². Năm 2003 ông Tô M lập giấy phân chia thửa đất thành 12 thửa cho các người con sử dụng.

Năm 2011-2013 UBND thị xã S ban hành các quyết định về việc thu hồi, bồi thường về đất nhưng không đúng quy định pháp luật, bản án phúc thẩm năm 2017 đã tuyên hủy các quyết định này. Ngày 17/10/2017 UBND thị xã S ban hành Quyết định thu hồi đất số 1819/QĐ-UBND diện tích 1.135,19m², loại đất trồng cây lâu năm (*gọi tắt là Quyết định thu hồi đất số 1819*) là không đúng quy định pháp luật, bởi vì:

Ngày 12/8/2003 ông Tô M làm giấy phân chia đất cho các con xây dựng nhà ở, trong giấy phân chia đất có ghi rõ phần đất chia cho các con là đất vườn, còn đất ở và

hạn mức đất ở thì do ông Tô M sử dụng. Nhưng khi thu hồi đất UBND thị xã S bồi thường cho ông Tô M là đất vườn, bồi thường cho ông Tô D là đất ở là không đúng.

Ông Tô D cũng khẳng định cha ông (Tô M) chỉ cho đất vườn, hạn mức đất ở vẫn do ông Tô M sử dụng, thống nhất trả lại số tiền đã nhận bồi thường cho nhà nước để bồi thường cho ông Tô M. Theo quy định của UBND tỉnh Phú Yên về hạn mức đất ở thì ông Tô M phải được công nhận 750m² đất ở, khi thu hồi đất phải được cấp đất tái định cư.

Ngoài ra, Quyết định thu hồi đất số 1819 chỉ thu hồi diện tích 1.135,19m² là không đúng, diện tích phải là 1.175,5m² (theo Quyết định thu hồi đất số 5335 ngày 31/8/2011 của UBND thị xã S). Vì Quyết định thu hồi đất số 1819 không đúng quy định pháp luật, nên Thông báo số 236/TB-PTQĐ ngày 22/11/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S (*gọi tắt là Thông báo số 236*), Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch UBND thị xã S (*gọi tắt là Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882*), Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND thị xã S (*gọi tắt là Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115*) cũng được ban hành không đúng quy định pháp luật.

Nay ông Tô M khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định thu hồi đất số 1819, Thông báo số 236, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115. Buộc UBND thị xã S bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 1.175,5m² đã thu hồi theo giá đất ở (750m²) và đất vườn (425,5m²), cấp một lô đất tái định cư cho ông Tô M.

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S trình bày:

Nguồn gốc đất ông Tô M nhận chuyển nhượng từ năm 1974, có giấy tờ mua bán được chứng thực của Ủy ban hành chính xã X thời điểm đó, diện tích 03 sào đất vườn dừa (tương đương 1.500m²). Ngày 12/8/2003 ông Tô M lập giấy phân chia thửa đất thành 12 thửa, có xác nhận của UBND thị trấn S (UBND cấp xã), tổng diện tích là 3.010,6m², trong đó phần đất chia cho ông Tô D là 720m² (có nhà ở và công trình phụ được xây dựng từ năm 1992), phần đất ông Tô M tiếp tục sử dụng là 1.250m².

Theo tờ kê khai đất đai và tài sản trên đất ngày 29/12/2009 và biên bản kiểm kê tài sản ngày 29/12/2009 của ông Tô M ghi nhận: Diện tích đất bị thu hồi là thửa số 06 và 43 cây dừa, ngoài ra không có tài sản nào khác. Ngày 28/01/2013 tổ kiểm kê bổ sung trên thửa đất số 06 (Tô M) chỉ còn hàng rào lưới B40 dài 69m chưa được kiểm kê, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Ngày 26/11/2013 theo yêu cầu của ông Tô M, Tòa án nhân dân thị xã S phối hợp cùng UBND phường X, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S tiến hành kiểm tra lại hiện trạng thửa đất số 06 chỉ có công trình chuồng heo và nhà bếp liền kề (đã được kiểm kê bồi thường cho ông Tô D), không có nhà ở hay công trình nào khác.

Theo tờ kê khai đất đai và tài sản trên đất ngày 29/12/2009 và biên bản kiểm kê tài sản ngày 29/12/2009 của ông Tô D ghi nhận: Diện tích đất bị thu hồi là thửa đất số 08 và có nhà ở, các công trình phụ trên đất. Ông Tô D đã được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đất ở.

Năm 2011 UBND thị xã S ban hành Quyết định thu hồi đất diện tích $1.175,5\text{m}^2$ (trong đó $850,5\text{m}^2$ đất CLN và 325m^2 đất do UBND phường quản lý). Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường năm 2011-2013 đã bị Tòa án hủy. Sau đó, UBND thị xã S ban hành các quyết định mới như sau:

Ngày 17/10/2017 UBND thị xã S ban hành Quyết định số 1819/QĐ-UBND về việc thu hồi đất hộ ông Tô M $1.135,19\text{m}^2$, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó thửa số 06 thu hồi $826,3\text{m}^2 + 242,79\text{m}^2 = 1.069,09\text{m}^2$, thửa số 36a thu hồi $24,2\text{m}^2 + 41,9\text{m}^2 = 66,1\text{m}^2$). Đối với diện tích đất $82,21\text{m}^2$ (thửa số 06) đã thực hiện dự án nhưng không thu hồi, bồi thường cho ông Tô M vì đất do UBND phường quản lý. Còn lại diện tích $47,8\text{m}^2$ thửa số 06 nằm ngoài phạm vi thực hiện dự án.

Ngày 17/10/2017 UBND thị xã S ban hành Quyết định số 1820/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường cho Tô M: 15.053.000đ (*gọi tắt là Quyết định số 1820*)

Ngày 21/12/2017 ông Tô M có đơn khiếu nại: Quyết định thu hồi đất số 1819 xác định diện tích đất thu hồi là đất trồng cây lâu năm là không đúng thực tế, yêu cầu hủy bỏ hoặc điều chỉnh lại Quyết định này. Ngày 12/9/2018 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3882/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, bác khiếu nại của ông Tô M.

Ngày 24/9/2019 UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3114/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 1820, cùng ngày UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3115/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Tô M: Tổng diện tích đất bị thu hồi $1.135,19\text{m}^2$, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 338.444.000đ. (*Bồi thường, hỗ trợ đất trồng cây lâu năm 318.080.000đ, bồi thường cây cối hoa màu 13.464.000đ, bồi thường công trình vật kiến trúc 6.900.000đ*).

Ông Tô M không bị thu hồi nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở nên yêu cầu cấp đất tái định cư là không có căn cứ. Đất ông Tô M bị thu hồi là đất vườn dừa, không có nhà ở, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSD đất), nên yêu cầu bồi thường loại đất ở là không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S trình bày: Ông Trần Duy T, ông Tô D, bà Tô Thị Thu H3 đều trình bày hạn mức đất ở chỉ thuộc quyền sử dụng của ông Tô M, những người con chỉ được chia đất vườn (11 thửa đất ông Tô M chia cho 11 người con là đất vườn), nên đề nghị Tòa hủy Quyết định thu hồi đất số 1819, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115 để UBND thị xã S lập lại thủ tục thu hồi, bồi thường về đất cho hộ gia đình ông Tô M theo đúng quy định pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S trình bày: Ngày 22/11/2017 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S ban hành Thông báo số 236/TB-PTQĐ, ông Tô M được bồi thường, hỗ trợ bổ sung: $242,79\text{m}^2 \times 62.000\text{đ}/\text{m}^2 = 15.053.000\text{đ}$. Ngày 20/9/2019 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S đã ban hành Thông báo số 52/TB-PTQĐ về việc thu hồi Thông báo số 236. Do đó, đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật. Các nội dung khác thì thống nhất như trình bày của UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S.

UBND phường X vắng mặt, không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô D, Lê Thị Th, Tô H, Tô Thị Hồng H, Tô Th, Tô Thị Thu H1, Tô Văn Đ, Tô Thị H2, Tô Thị Thu H3, Tô Thị Thu H4 và Tô Thị Thu M thống nhất với lời trình bày của người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị Thu H5, Tô Như Ng, Tô Anh Th và Tô Ngân Th1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, vì có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S, UBND phường X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự Hà Thị Thu H1, Tô Như Ng, Tô Anh Th và Tô Ngân Th1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, các đương sự khác vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền, căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

Ông Tô M khởi kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S nên xác định người bị kiện là: UBND thị xã S, Chủ tịch UBND thị xã S, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25/9/2018 ông Tô M có đơn khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882, Quyết định thu hồi đất số 1819, Thông báo số 236 và buộc UBND thị xã S bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất (trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115) là còn trong thời hiệu khởi kiện, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về hình thức, nội dung quyết định hành chính:

Về hình thức: Các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng mẫu quy định.

Về nội dung: Xét nguồn gốc đất ông Tô M nhận chuyển nhượng là vườn dừa, chưa được cấp GCN QSD đất, năm 2003 ông Tô M lập giấy phân chia đất cho các

con (tách thửa đất thành nhiều thửa) là thực hiện quyền của người sử dụng đất nhưng chỉ được xác nhận của UBND thị trấn S (UBND cấp xã) tại thời điểm đó là không đúng quy định Luật Đất đai năm 1993 và Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2001).

Do đó, khi thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất UBND thị xã S cần xác định rõ nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, quá trình sử dụng đất, phân chia thửa đất, xây dựng nhà ở trên đất có nguồn gốc là đất vườn dừa (trên toàn bộ 12 thửa đất gia đình ông Tô M) để thực hiện thu hồi, bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Xét Quyết định thu hồi đất số 1819 được ban hành năm 2017, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115 được ban hành năm 2019 nhưng căn cứ bảng giá đất do UBND tỉnh Phú Yên quyết định tại thời điểm thực hiện dự án là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 “*Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.*”

Xét tờ kê khai đất đai và tài sản trên đất ngày 29/12/2009 và biên bản kiểm kê tài sản ngày 29/12/2009 của ông Tô M chỉ ghi nhận thu hồi thửa đất số 06, nhưng Quyết định thu hồi đất là thửa 06 và 36a là mâu thuẫn, chưa có căn cứ vững chắc xác định diện tích đất thu hồi của ông Tô M là 1.135,19m² như Quyết định thu hồi đất số 1819. Ngoài ra, các quyết định thu hồi, bồi thường khi thu hồi các thửa đất của những người con ông Tô M (các thửa đất ông Tô M lập văn bản phân chia năm 2003) đều đã bị Tòa án hủy để UBND thị xã S thực hiện lại thủ tục, thu hồi bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Duy T, ông Tô D, bà Tô Thị Thu H3 thống nhất trình bày năm 2003 ông Tô M phân chia đất cho các con là đất vườn, còn ông Tô M sử dụng đất ở và hạn mức đất ở. Năm 2009 ông Tô D lập tờ khai đất ở, nhà ở và các công trình phụ thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Tô M để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không đúng quy định pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S đề nghị Tòa hủy Quyết định thu hồi đất số 1819, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115 để UBND thị xã S lập lại thủ tục thu hồi, bồi thường về đất cho hộ gia đình ông Tô M theo đúng quy định pháp luật là có căn cứ để chấp nhận.

Xét ngày 17/10/2017 UBND thị xã S ban hành Quyết định thu hồi đất số 1819 diện tích 1.135,19m², nhưng cùng ngày UBND thị xã S ban hành Quyết định số 1820 phê duyệt phương án bồi thường diện tích 242,79m² là không đúng diện tích đất thu hồi. Do đó, ngày 22/11/2017 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S ban hành Thông báo số 236 là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, ngày 20/9/2019 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S đã thu hồi Thông báo số 236, nên không cần tuyên hủy Thông báo này.

[4] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Về thẩm quyền: Các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền luật định.

Về trình tự, thủ tục: Xét quyết định thu hồi đất đang có hiệu lực là Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 17/10/2017, quyết định phê duyệt phương án bồi thường đang có hiệu lực là Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 24/9/2019. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai “...*quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*”, do đó Quyết định thu hồi đất số 1819 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 3115 được ban hành không đúng trình tự, thủ tục.

Ngoài ra, UBND thị xã S không thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định hành chính:

Ngày 05/02/2018 UBND thị xã S nhận đơn khiếu nại, đến ngày 12/9/2018 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3882 là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu tại Điều 28 Luật Khiếu nại.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô M.

- Hủy Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc thu hồi đất ông Tô M.

- Hủy Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô M (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường cho ông Tô M.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường cho ông Tô M theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 345 và Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Ủy ban nhân dân thị xã S và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S phải liên đới chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Tô M số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12915 ngày 27/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Đậu Thị Quy